

## 1. Đảo ngữ câu điều kiện loại 1

### Công thức:

- Câu điều kiện:

If + S1 + V(hiện tại), S2 + will/may/might/should/can... + V (nguyên thể)

- Câu đảo ngữ:

Should + S1 + (not) + V(hiện tại), S2 + will/may/might/should/can... + V(nguyên thể)

Chú thích: S - chủ ngữ, V - động từ.

### Cách dùng

Đảo ngữ câu điều kiện loại 1 dùng để chỉ tình huống có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.

\* Nếu trong câu có "should" ở mệnh đề if, thì đảo "should" lên đầu câu:

Ví dụ:

- If he should ring, I will tell him the news.

→ Should he ring, I will tell him the news.

\* Nếu trong câu không có "should", chúng ta phải mượn "should"

Ví dụ:

- If he has free time, he'll play tennis.

→ Should he have free time, he'll play tennis.

## 2. Đảo ngữ câu điều kiện loại 2

### Công thức:

- Câu điều kiện:

If + S1 + V(quá khứ), S2 + would/might/could... + V (nguyên thể)

- Câu đảo ngữ:

Were + S1 + (not) + O, S2 + would/might/could... + V(nguyên thể)

Chú thích: S - chủ ngữ, V - động từ.

### Cách dùng

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 2 dùng để chỉ tình huống giả định, không thể xảy ra ở hiện tại, không có thực ở hiện tại:

\* Nếu trong câu có động từ "were", thì đảo "were" lên đầu.

Ví dụ:

- If I were a bird, I would fly.

→ Were I a bird, I would fly.

\* Nếu trong câu không có động từ "were" thì mượn "were" và dùng "to V"

Ví dụ:

- If I learnt Russian, I would read a Russian book.

→ Were I to learn Russian, I would read a Russian book.

## 3. Đảo ngữ câu điều kiện loại 3

### Công thức:

- Câu điều kiện:

If + S1 + had + V3/-ed, S2 + would/might/could... + have + V3/-ed

- Câu đảo ngữ:

Had + S1 + (not) + V3/-ed, S2 + would/might/could... + have + V3/-ed

Chú thích: S - chủ ngữ, V3/-ed - V3/-ed(Vpp/-ed) - động từ cột 3 trong bảng bất quy tắc hoặc động từ đuôi "ed".

Cách dùng

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3 dùng để chỉ tình huống trái thực tế trong quá khứ.

\* Đảo trợ động từ của thì quá khứ hoàn thành.

Ví dụ 1:

- If it had rained yesterday, we would have stayed at home.

→ Had it rained yesterday, we would have stayed at home.

Ví dụ 2:

- If he had trained hard, he would have won the match.

→ Had he trained hard, he would have won the match.

\* Chú ý: ở dạng phủ định, "not" được đặt sau chủ ngữ:

Ví dụ:

- Had it not been so late, we would have called you.